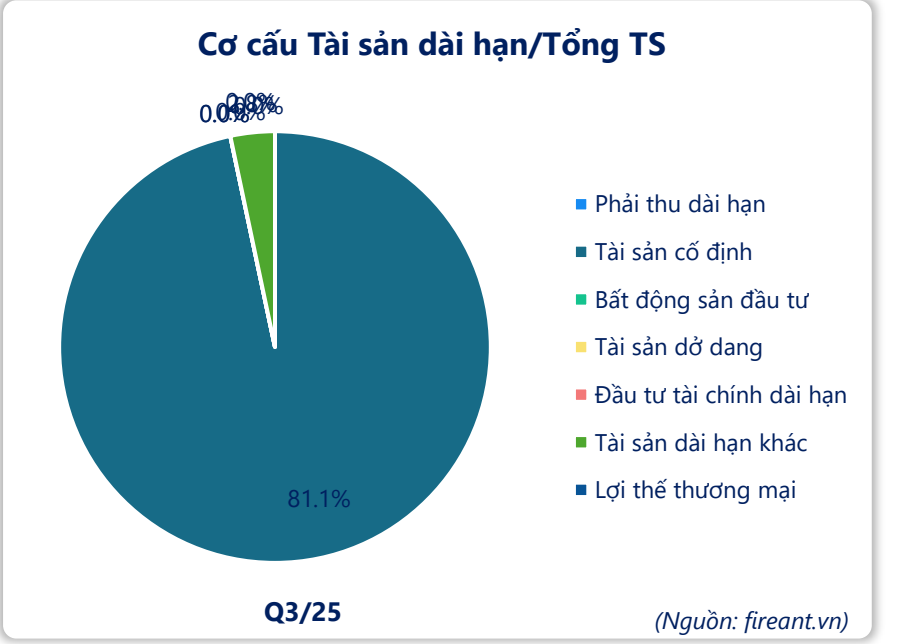
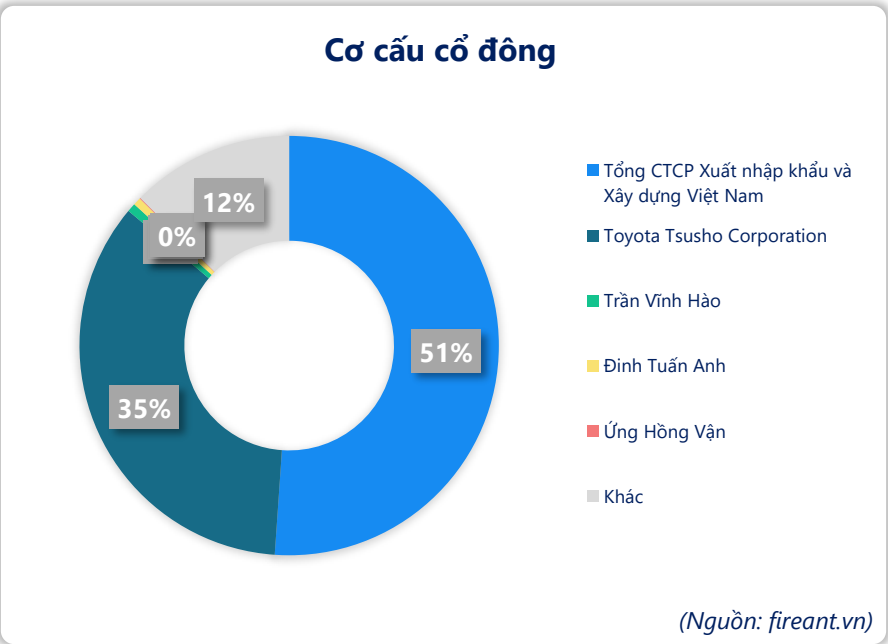
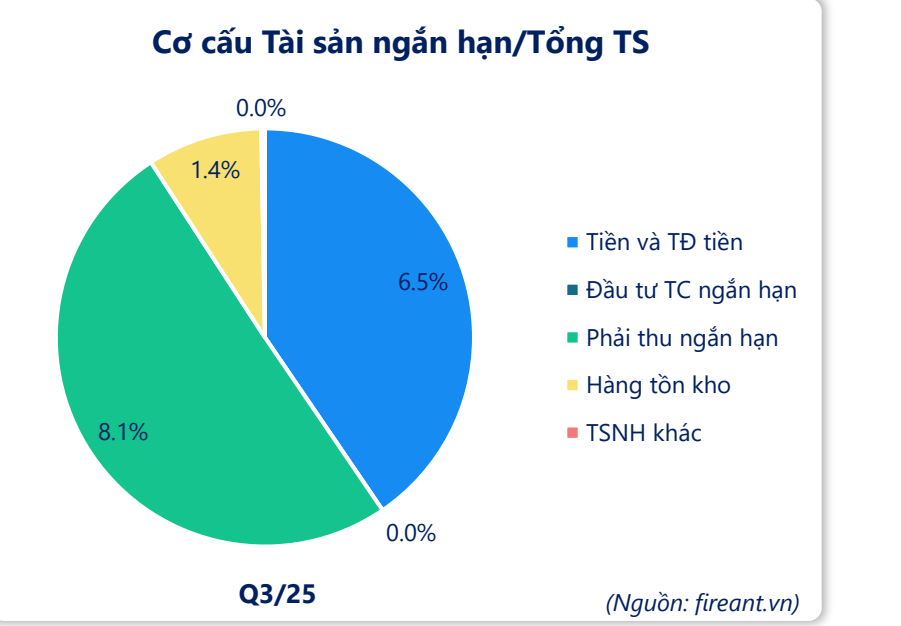
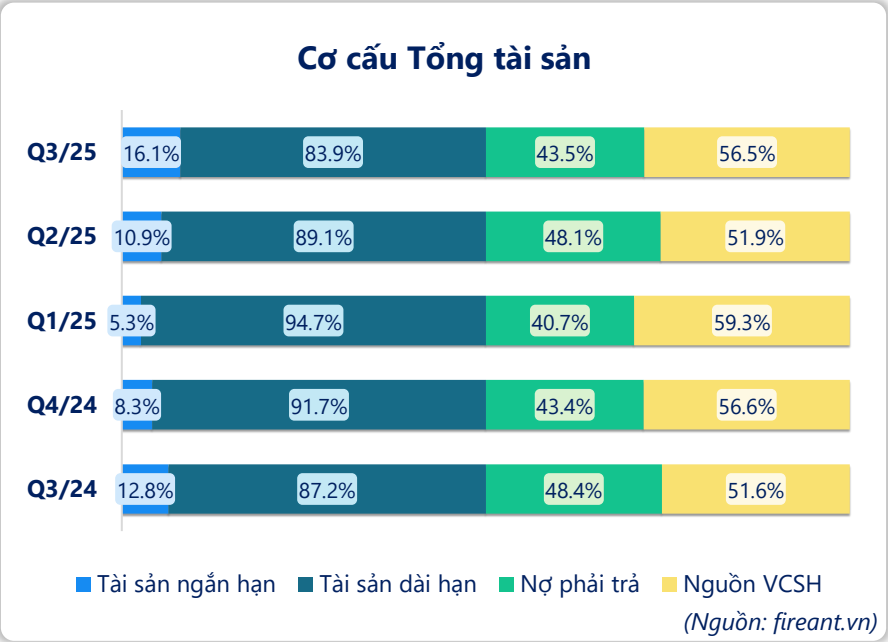
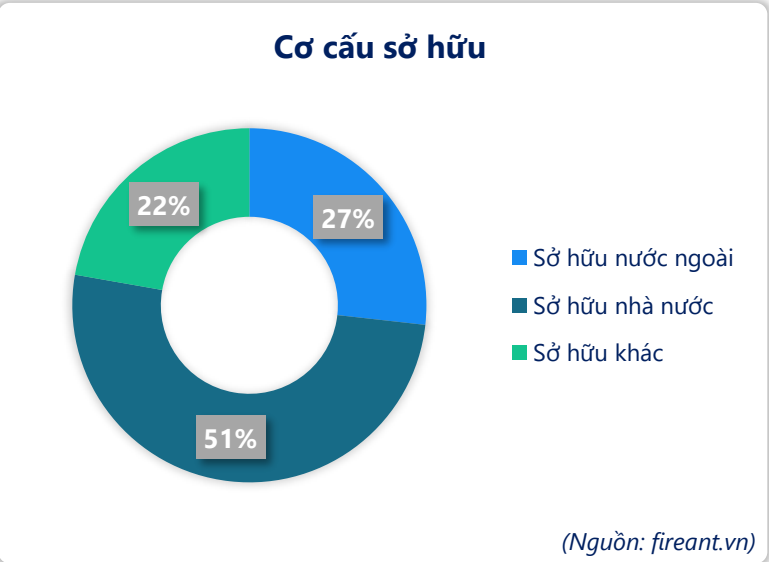
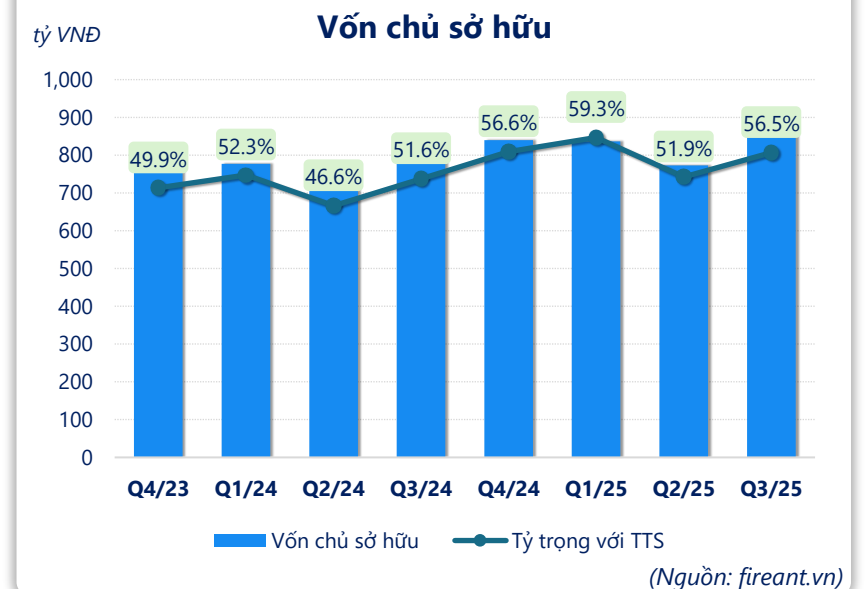
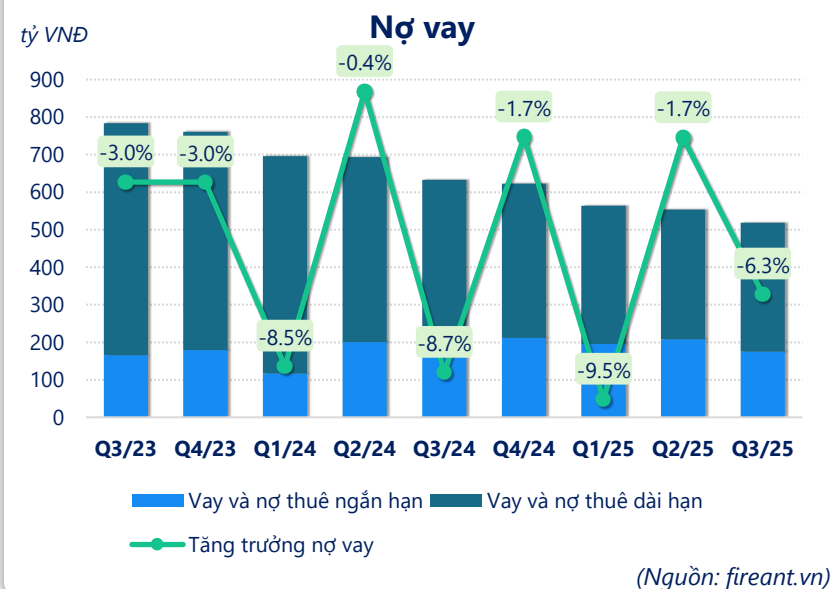
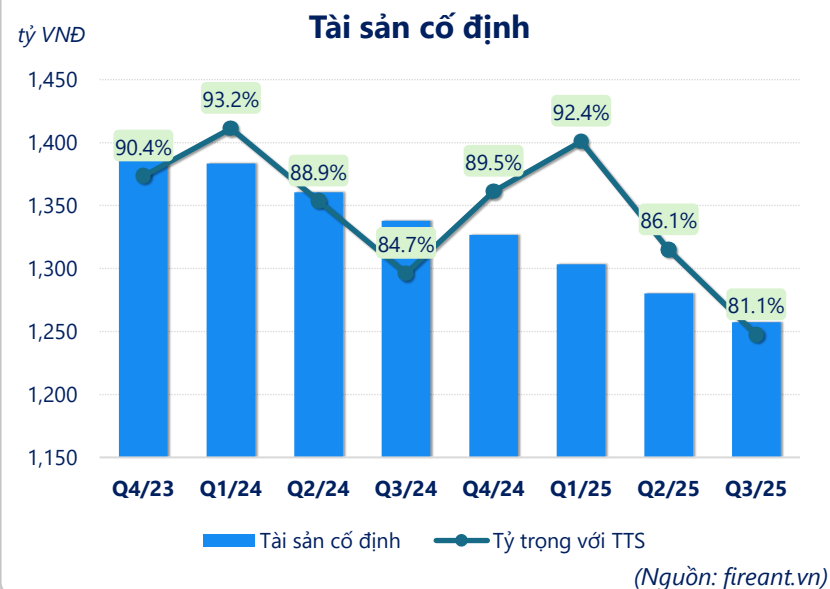
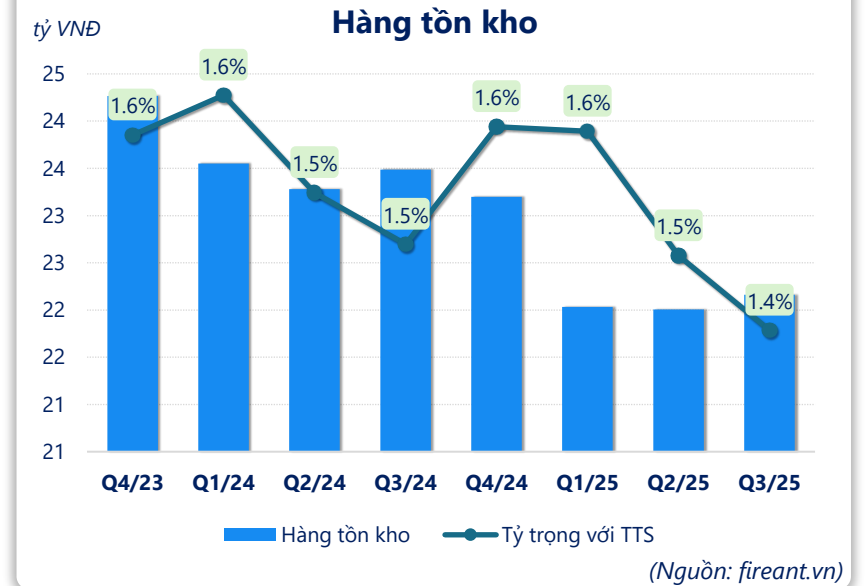
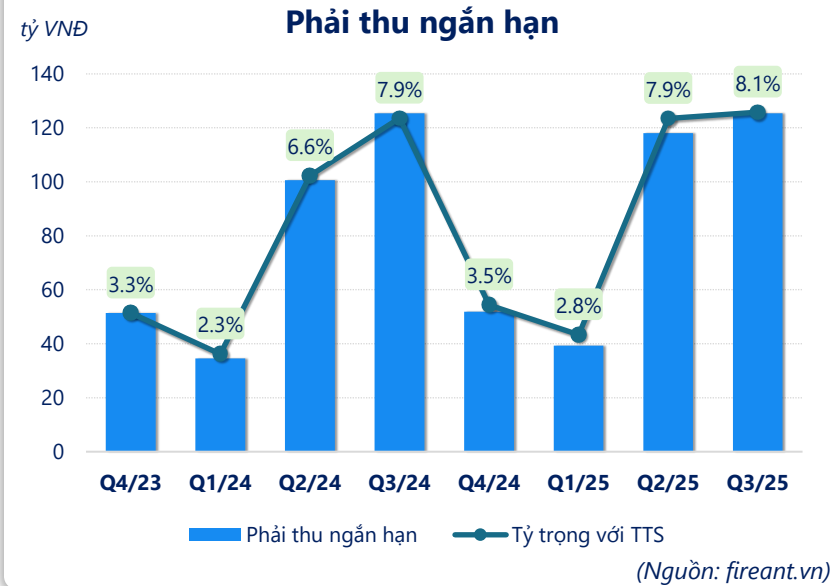
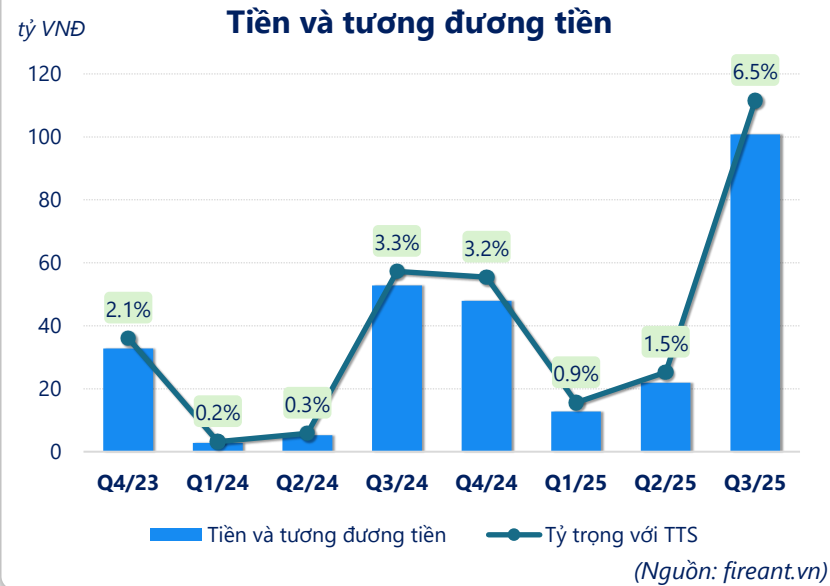
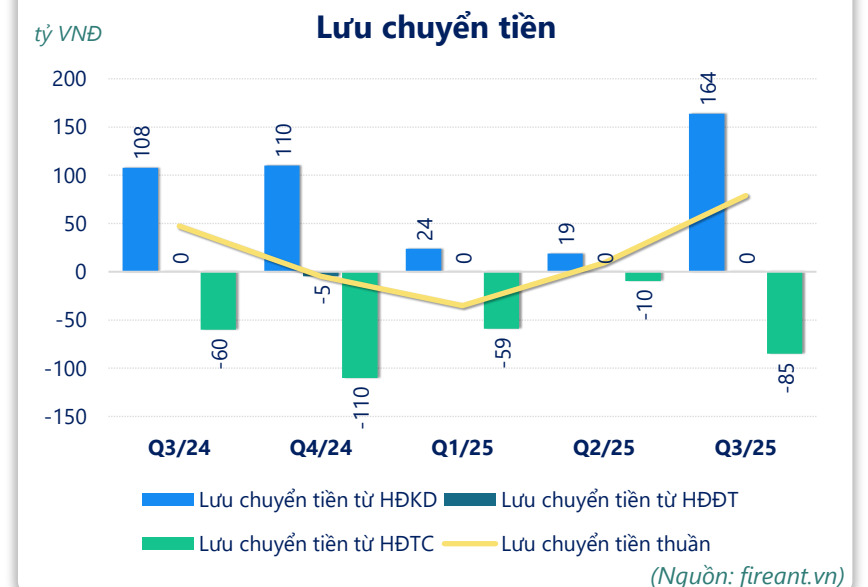
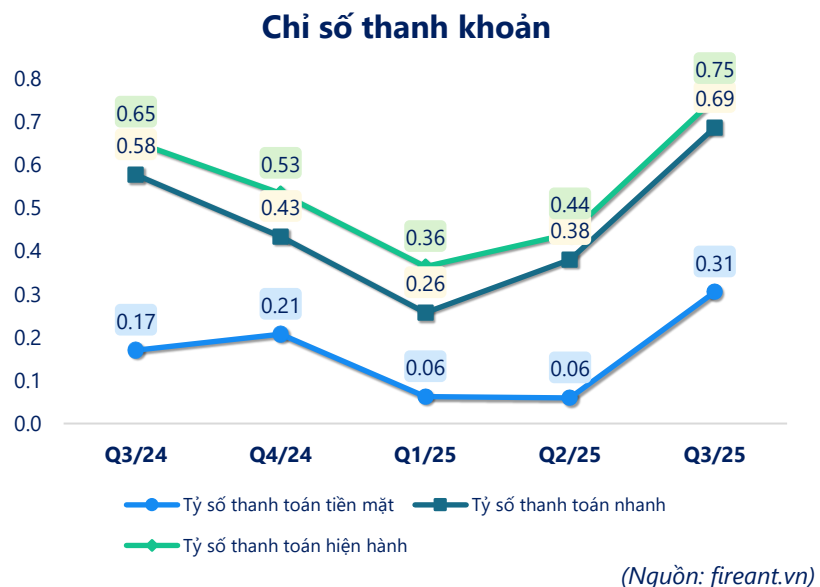
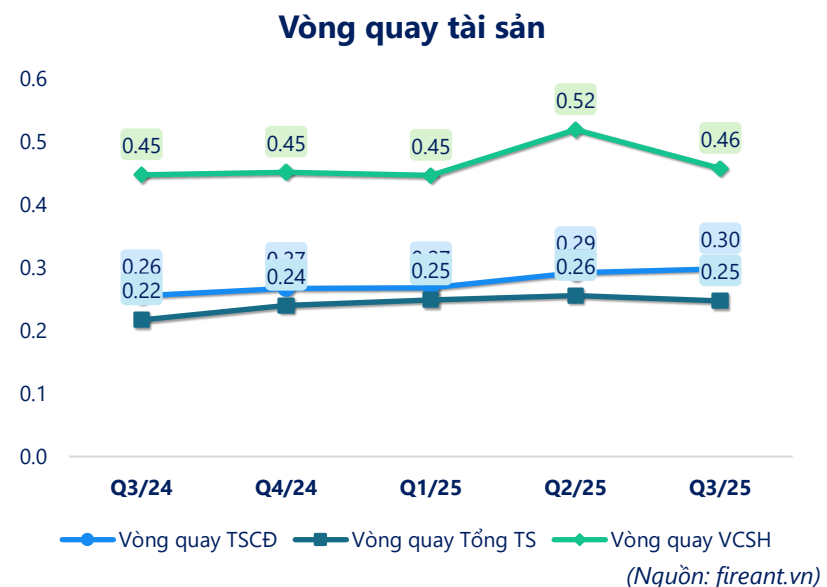
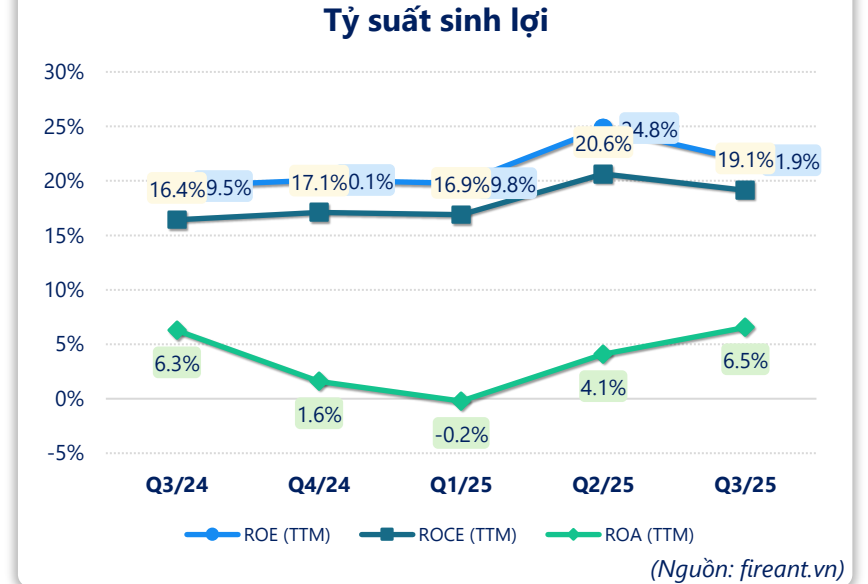
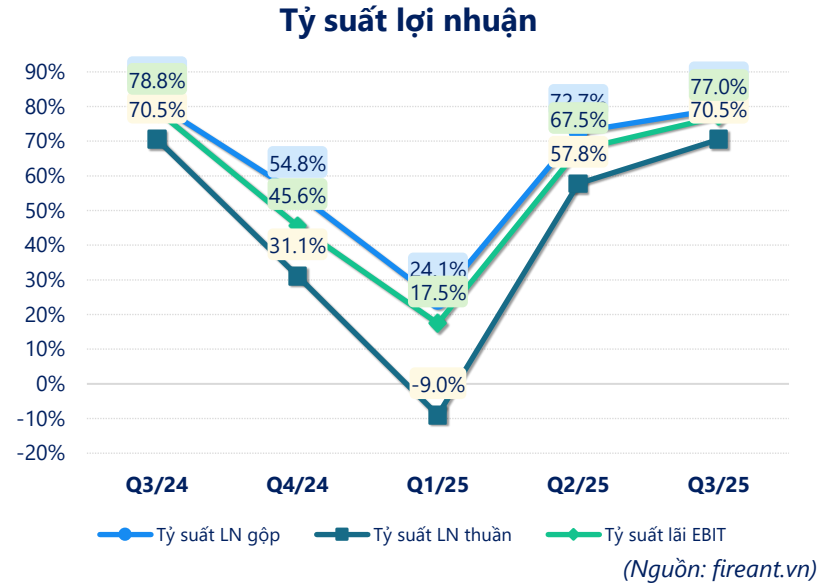
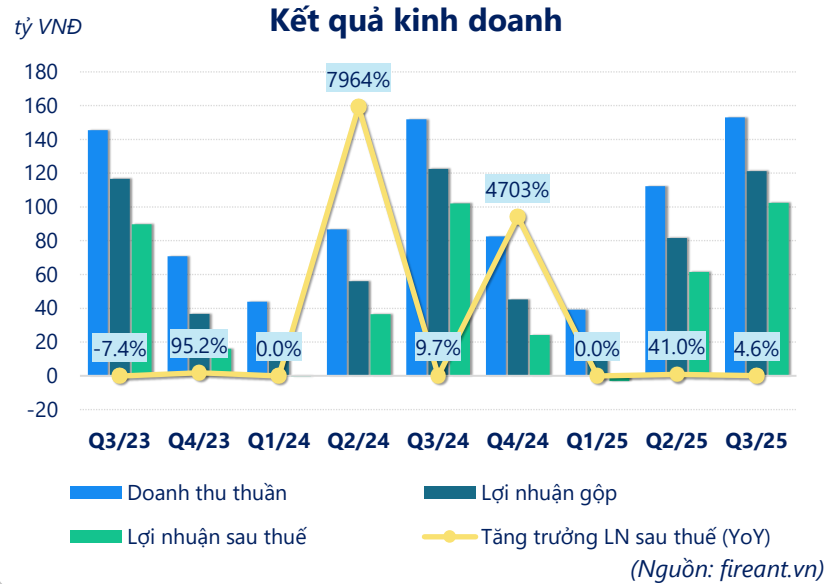


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,250
SL cổ phiếu LH		49,993,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,575
% sở hữu nước ngoài		26.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,940
P/E		10.5
EPS		3,701

	YTD	1T	3T	6T
ND2	9.2%	3.5%	8.9%	4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,549	1,482	4.5%
Tài sản ngắn hạn	249	124	101%
Tiền và tương đương tiền	101	47.9	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	125	51.9	142%
Hàng tồn kho	22.2	23.2	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.69	1.8%
Tài sản dài hạn	1,300	1,359	-4.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,257	1,327	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	43.2	32.0	35.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	674	643	4.9%
Nợ ngắn hạn	330	232	42.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	211	-17.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.44	3.74	-34.8%
Nợ dài hạn	344	411	-16.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	344	411	-16.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	875	839	4.3%
Vốn chủ sở hữu	875	839	4.3%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	152	82.5	39.1	112	153
Giá vốn hàng bán	29.3	37.2	29.7	30.6	31.8
Lợi nhuận gộp	123	45.2	9.43	81.6	121
Doanh thu HĐTC	0.11	0.16	0.02	0.02	0.11
Chi phí TC	12.5	12.0	9.95	10.9	10.0
Chi phí lãi vay	12.5	12.0	9.95	10.9	10.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.12	7.79	3.01	5.89	3.52
LN thuần từ HĐKD	107	25.6	-3.52	64.8	108
Lợi nhuận khác	0.07	-0.01	0.38	0.03	0.01
LN trước thuế	107	25.6	-3.13	64.9	108
Lợi nhuận sau thuế	102	24.2	-3.13	61.6	102
LNST của CĐ cty mẹ	102	24.2	-3.13	61.6	102

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	108	110	23.9	18.8	164
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.11	-4.54	0.02	0.02	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.2	-110	-59.0	-9.75	-85.1
Tiền đầu kỳ	5.23	52.7	47.9	12.8	21.9
Lưu chuyển tiền thuần	47.5	-4.82	-35.1	9.10	78.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.7	47.9	12.8	21.9	101

(Nguồn: fireant.vn)